



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa – Phường Ngũ Hành Sơn – Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.istee.vn>; <http://www.danetc.vn>.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02418/2025/PKQ (25.959.12A2508.89)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM (VINAMILK) - CN ĐÀ NẴNG
Địa chỉ : Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 11/08/2025
Thời gian thử nghiệm : 11/08/2025 - 21/08/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				12A2508.89	Cột B
1.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	20,7	200
2.	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	<0,6	50
3.	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	<5	500
4.	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	24,3	850
5.	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	<2	1.000

Ghi chú:

- **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **12A2508.89**: Mẫu khí thải lấy tại đầu ra sau HTXL Khí thải lò đốt dầu DO của Công ty

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2025

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nguyễn Hoài Nam



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02419/2025/PKQ (25.959.12A2508.90-92)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM (VINAMILK) - CN ĐÀ NẴNG
Địa chỉ : Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 3
Thời gian lấy mẫu : 11/08/2025
Thời gian thử nghiệm : 11/08/2025 - 21/08/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		
				12A2508.90	12A2508.91	12A2508.92
1.	Tiếng ồn L_{Aeq}	dBA	TCVN 7878-2:2018	74,8	76,2	71,5
2.	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	MASA 704A	49,2	66,7	59,6
3.	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	QT.PTN.KK09	3.261	3.826	3.543
4.	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	MASA 406	49,3	35,7	32,7
5.	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	137	123	130

Ghi chú:

- 12A2508.90: Mẫu khí lấy tại khu vực Lacta 1
- 12A2508.91: Mẫu khí lấy tại khu vực Lacta 2
- 12A2508.92: Mẫu khí lấy tại khu vực đóng gói

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2025

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Hoài Nam



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa – Phường Ngũ Hành Sơn – Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.istee.vn>; <http://www.danetc.vn>.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02420/2025/PKQ (25.959.12W2508.215)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM (VINAMILK) - CN ĐÀ NẴNG
Địa chỉ : Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 11/08/2025
Thời gian thử nghiệm : 11/08/2025 - 21/08/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				12W2508.215	Cột A
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	6 ÷ 9
2.	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	23	30
3.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	35	75
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	18,0	50
5.	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	11,9	20
6.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,0	5
7.	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,77	4
8.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,7x10 ³	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- 12W2508.215: Mẫu nước thải lấy tại đầu ra sau HTXLNT

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2025

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Hoài Nam

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa – Phường Ngũ Hành Sơn – Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.istee.vn>; <http://www.danetc.vn>



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02421/2025/PKQ (25.959.12W2508.216-217)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM (VINAMILK) - CN ĐÀ NẴNG
Địa chỉ : Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng
Loại mẫu : Nước dưới đất
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 11/08/2025
Thời gian thử nghiệm : 11/08/2025 - 21/08/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 09:2023/BTNMT
				12W250 8.216	12W250 8.217	Giá trị giới hạn
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	6,9	5,8 ÷ 8,5
2.	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/L	QT-HT.N02	170	198	1.500
3.	Độ cứng	mg/L	SMEWW 2340C:2023	108	159	500
4.	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,23	0,14	1
5.	Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	<0,01	<0,01	1
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,02	3,05	15
7.	Chỉ số Permanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	0,58	0,61	4
8.	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	51	138	250
9.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,004	0,003	0,05
10.	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111 B:2023	3,225	18,63	5
11.	Coliform	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	3
12.	E.coli	Vi khuẩn/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	Không phát hiện

Ghi chú:

- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa – Phường Ngũ Hành Sơn – Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.istee.vn>; <http://www.danetc.vn>.

- 12W2508.216: Mẫu nước ngầm lấy tại giếng 2
- 12W2508.217: Mẫu nước ngầm lấy tại giếng 3

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2025

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa – Phường Ngũ Hành Sơn – Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.istee.vn>; <http://www.danetc.vn>.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02417/2025/PKQ (25.958.12W2508.214)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM (VINAMILK) - CN ĐÀ NẴNG
Địa chỉ : Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 11/08/2025
Thời gian thử nghiệm : 11/08/2025 - 21/08/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				12W2508.214
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2
2.	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6
3.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	13
4.	Asen	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,001
5.	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,67
6.	Thủy ngân	mg/L	SMEWW 3125B:2017	KPH (MDL = 0,0003)
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	10,0
8.	Chì	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,001
9.	Cadimi	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,0002
10.	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023	<0,003
11.	Đồng	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,008
12.	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,006
13.	Niken	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,011
14.	Mangan	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,0001
15.	Sắt	mg/L	SMEWW 3111 B:2023	<0,04

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa – Phường Ngũ Hành Sơn – Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.istec.vn>; <http://www.danetc.vn>.

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				12W2508.214
16.	Tổng Crom (Cr)	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,003
17.	Tổng xianua	mg/L	SMEWW 4500CN- .C&E:2023	<0,003
18.	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001
19.	Florua	mg/L	SMEWW 4500- F- B&D:2023	1,4
20.	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,01
21.	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,17
22.	Clorua	mg/L	TCVN 6194:1996	53
23.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	200
24.	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	<0,01
25.	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500.NO3- .E:2023	26,2
26.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	<0,005
27.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	<0,05
28.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	<0,01
29.	E. Coli	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	<2
30.	Tổng dầu mỡ ^(*)	mg/L	SMEWW 5540:2023	<0,3
31.	Aldrin	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	<0,003
32.	Benzene hexachloride (BHC)	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	<0,003
33.	Dieldrin	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	<0,003
34.	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs)	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	<0,003
35.	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	<0,003

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa – Phường Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.istee.vn>; <http://www.danetc.vn>

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- 12W2508.214: Mẫu nước thải sau xử lý sử dụng cho mục đích tưới tiêu
- (*): Chỉ tiêu được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2025

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Hoài Nam

